

**TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 07-12-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

2. Ông Nguyễn Văn Quân.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị X, sinh năm 1978; địa chỉ: xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Gia K, sinh năm 1972 - Văn phòng Luật sư Cao Đức Nhuận, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: 254/8 đường D, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Mã Văn B, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2.2. Bà Mai Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2021, nguyên đơn bà Phạm Thị X trình bày:

Trong năm 2020, ông Mã Văn B và bà Mai Thị H mua rổ đựng nông sản của bà từ ngày 09/11/2019 nhưng không thanh toán số tiền 620.000.000 đồng, có giấy xác nhận nợ viết tay đính kèm. Bà đã nhiều lần yêu cầu thanh toán, nhưng ông B và bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay bà yêu cầu ông B và bà H phải hoàn trả cho bà số tiền nợ gốc là 620.000.000 đồng và lãi suất (phạt quá hạn thanh

toán trên thỏa thuận) 1,2%/tháng, tính từ ngày 09/11/2019 đến thời điểm khởi kiện là 32 tháng, cụ thể: $620.000.000 \text{ đồng} \times 1,2\%/\text{tháng} \times 32 \text{ tháng} = 238.080.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi là 858.080.000đ (*tám trăm năm mươi tám triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

Theo đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 08/7/2021 và tại phiên hòa giải ngày 20/10/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2018 đến ngày 09/11/2019, ông Mã Văn B và bà Mai Thị H có mua rổ đựng nông sản của bà Phạm Thị X, việc mua bán này không lập hợp đồng mà chỉ giao kết bằng lời, tiền lãi chậm thanh toán (nếu có) sẽ được tính 1,2%/tháng và ghi nhận số lượng vào sổ của bên bán. Việc giao hàng hóa đã được thực hiện bởi bên bán nhưng bên mua không thanh toán số tiền 620.000.000 đồng, tuy nhiên bên mua có viết giấy xác nhận nợ. Bà X đã nhiều lần yêu cầu thanh toán, nhưng ông B và bà H chưa trả số tiền 620.000.000 đồng. Vì vậy, bà X yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà H có trách nhiệm hoàn trả cho bà X số tiền nợ gốc 620.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh do chậm thanh toán tạm tính 1,2%/tháng tính từ ngày 09/11/2019 đến thời điểm hòa giải là 24 tháng là 178.560.000 đồng, tổng cộng là 798.560.000đ (*bảy trăm chín mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Tại bản tự khai ngày 02/8/2021, phiên hòa giải ngày 20/10/2021 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Mã Văn B trình bày:

Gia đình ông và gia đình bà Phạm Thị X có liên kết làm ăn với nhau từ trước. Khoảng cuối tháng 12/2020, gia đình ông mua rổ đựng nông sản của bà X với số tiền là 620.000.000 đồng. Việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời, đến ngày 09/01/2021 vợ chồng bà X đi Lạng Sơn nên có vào nhà ông, hai bên thỏa thuận số tiền sẽ trả nợ dần, vợ chồng ông đã viết giấy khát nợ, hẹn sau Tết nguyên đán sẽ trả nợ dần. Vào tháng 5/2021, ông có gọi điện chuyển tiền cho bà X thì bà X nhắn tin lại là không cần chuyển tiền nữa, bà đang thuê Luật sư khởi kiện. Việc bà X khởi kiện vào thời điểm hiện nay là chưa đúng quy định, vì hai bên đã thỏa thuận với nhau sẽ trả nợ dần, ông vẫn đang có thiện chí để trả nợ dần cho bà X, chứ ông chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ông chấp nhận số tiền nợ do mua hàng là 620.000.000 đồng, ông sẽ trả nợ dần, còn yêu cầu trả lãi suất ông không chấp nhận, vì ông chưa vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Tại bản tự khai ngày 02/8/2021, phiên hòa giải ngày 20/10/2021 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Mai Thị H thống nhất các nội dung như chồng bà đã trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc phải thanh toán, riêng số tiền lãi suất, đề nghị tính đến thời điểm xét xử là 25 tháng $\times 1,2\%/\text{tháng} \times 620.000.000 \text{ đồng} = 186.000.000\text{đ}$ (*một trăm tám mươi sáu triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa bà Phạm Thị X với ông Mã Văn B và bà Mai Thị H là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Việc vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

* Về nội dung tranh chấp:

[1] Về hợp đồng mua bán: Hai bên đều trình bày khi mua bán tài sản không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng, thời điểm mua bán hai bên trình bày không thống nhất, bên bán chỉ xuất trình được giấy nhận nợ ngày 09/01/2021, hai tờ giấy phô tô, phía trên một tờ ghi “doanh thu rở nhựa”, một tờ ghi “Anh B”, nên không có căn cứ chứng minh ngày giao hàng cũng như việc thỏa thuận mức lãi suất như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 09/01/2021, lời trình bày của các bên thì có cơ sở khẳng định bên bán đã giao hàng cho bên mua và bên mua viết giấy nhận nợ với số tiền mua hàng là 620.000.000 đồng.

[2] Về yêu cầu thanh toán: Ông B và bà H đều thừa nhận có mua rở đựng nông sản của bà X, số tiền còn nợ là 620.000.000 đồng, nhưng ông, bà đã thỏa thuận với bà X là sau Tết nguyên đán sẽ có kế hoạch trả dần. Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 09/01/2021, cũng như theo sự thỏa thuận của hai bên thì số tiền còn nợ nêu trên bên mua có thể trả nợ và bên bán cũng có quyền yêu cầu trả nợ vào bất cứ thời gian nào, kể từ thời điểm sau Tết nguyên đán (năm 2021). Do đó, bà X khởi kiện yêu cầu ông B, bà H thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, cần buộc ông B và bà H thanh toán cho bà X số tiền còn nợ do mua tài sản là 620.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu lãi suất: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông B và bà H phải thanh toán số tiền lãi suất $1,2\%/tháng \times 25 \text{ tháng} \times 620.000.000 \text{ đồng} = 186.000.000 \text{ đồng}$. Xét thấy: Khi mua bán, hai bên không lập hợp đồng mua bán mà chỉ hợp đồng miệng với nhau, không thỏa thuận về lãi suất, không xác định được thời điểm giao nhận tài sản. Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 09/01/2021, thì bên bán đã đồng ý cho bên mua được trả nợ dần. Kể từ sau ngày 09/01/2021 đến thời điểm khởi kiện, bà X chưa có lần nào yêu cầu ông B, bà H thanh toán số tiền còn nợ. Do đó, không có căn cứ pháp lý xác định thời điểm giao nhận tài sản là ngày 09/11/2019, cũng như thời điểm ông B, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên không chấp nhận yêu cầu của bà X về việc buộc ông B và bà H phải trả số tiền lãi suất là 186.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí DSST đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 280, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X, buộc ông Mã Văn B và bà Mai Thị H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị X 620.000.000đ (*sáu trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản phải thi hành, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị X về việc buộc ông Mã Văn B và bà Mai Thị H trả số tiền lãi suất là 186.000.000đ (*một trăm tám mươi sáu triệu đồng*).

3. Về án phí: Ông Mã Văn B và bà Mai Thị H phải nộp 28.800.000đ (*hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*) án phí DSST.

Bà Phạm Thị X phải nộp 9.300.000đ (*chín triệu ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 18.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0011092 ngày 23/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn; bà X được trả lại 9.450.000đ (*chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

